

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thị Mỹ Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1993; có mặt.

Địa chỉ: Đội 4, thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc K**, sinh năm 1987; có mặt.

Địa chỉ: Đội 14, thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc K tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nhiều lần chồng chị đánh đập, xúc phạm nhân phẩm chị. Anh thường đuổi chị ra khỏi nhà và hăm dọa giết chị nếu như chị còn ở lại nhà anh. Anh còn có thái độ xúc phạm ba mẹ ruột chị mỗi khi ba mẹ chị can ngăn. Chị đã bỏ về nhà ba mẹ ruột sống vào tháng 3/2018. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xét thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài, tình cảm hai vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc K.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 22/9/2012; Phạm Nhật P, sinh ngày 04/7/2015. Hiện các cháu đang ở với anh K. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 2 cháu, chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị T thống nhất giao hai con cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K phải tạo điều kiện cho chị T thăm nom, chăm sóc các con, khi có điều kiện và con được nghỉ học anh K phải để chị dẫn con đi chơi, đi du lịch.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ngày mừng 2 tết năm 2018 chị T bỏ đi đến mừng 8 tết mới về thì chị T lấy quần áo và bỏ đi cho tới nay, anh cũng không đánh đập hay đuổi chị T đi. Trước khi xảy ra mâu thuẫn chị T đi đám cưới và say xỉn rồi để người này ôm, người kia ôm và anh cũng rất bức xúc nên vợ chồng có cãi vã. Sau khi chị T bỏ đi, anh nhiều lần điện thoại khuyên bảo chị T về để nuôi con mà chị T vẫn không chịu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2018 đến nay.

Nay tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, chị Phạm Thị T muốn ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 22/9/2012; Phạm Nhật P, sinh ngày 04/7/2015. Hiện các cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh K đồng ý tạo điều kiện cho chị T đến thăm nom, chăm sóc các con. Anh đồng ý cho chị T dẫn các con đi chơi, đi du lịch, nhưng phải đảm bảo sức khỏe và học tập của các con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay mượn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn tuân theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83; 84, Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc K, chị T và anh K ly hôn. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh K, giao cháu Phạm Thị Như H, sinh ngày 22/9/2012; Phạm Nhật P, sinh ngày 04/7/2015 cho anh Phạm Ngọc K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay mượn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc K kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S vào ngày 26/12/2011. Anh K và chị T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh K và chị T đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc K, chị T và anh K ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh K giao cháu Phạm Thị Như H, sinh ngày 22/9/2012; Phạm Nhật P, sinh ngày 04/7/2015 cho anh Phạm Ngọc K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Án phí: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc K, chị T và anh K ly hôn.

+ **Về con chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc K, giao cháu Phạm Thị Như H, sinh ngày 22/9/2012; Phạm Nhật P, sinh ngày 04/7/2015 cho anh Phạm Ngọc K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

+ **Về án phí:** Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000, đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000, đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003026 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

+ **Kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đường sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ